

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Đồ án: Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc Ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 26/03/2021 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đồ án: Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 của UBND huyện Tuy Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 1560/UBND-KT ngày 27/3/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc đầu tư xây dựng khu tái định cư và cải táng mồ mả trên địa bàn huyện Tuy Phước phục vụ dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân;

Căn cứ Văn bản số 1450/BQLGT-ĐHDA2 ngày 27/6/2021 của Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định về việc đề nghị xem xét điều chỉnh, bổ sung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước để phục vụ việc di dời mồ mả cho dự án Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến – Diêm Vân;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 25/TTr-PKT&HT ngày 13/8/2022, kèm theo hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng - tỷ lệ 1/500 đồ án: Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước do Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và môi trường Nam Phương lập.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500: Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

2. Phạm vi và ranh giới điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Phạm vi điều chỉnh cục bộ quy hoạch thuộc khu C. Có giới cận cụ thể của khu đất như sau:

- Phía Đông giáp: Khu A - Khu nghĩa địa hiện hữu;
- Phía Tây giáp: Đất đồi núi chưa sử dụng;
- Phía Nam giáp: Khu A - Khu nghĩa địa hiện hữu;
- Phía Bắc giáp: Ranh giới xã Phước Sơn.

Quy mô điều chỉnh quy hoạch: 34.841,39m² (3,48ha).

3. Lý do và các nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

Điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước nhằm đảm bảo nhu cầu cải táng mồ mả phục vụ dự án tuyến Đường ven biển tỉnh Bình Định, đoạn Cát Tiến – Diêm Vân.

Phạm vi điều chỉnh thuộc khu C, điều chỉnh đất khu mộ chôn cất 1 lần CM7, CM8, CM4, CM1 thành đất khu mộ cải táng CT15, CT16, CT17, CT18. Tổng số mộ chôn cất 1 lần sau điều chỉnh còn 601 mộ, giảm 457 mộ; số mộ cải táng sau điều chỉnh 1.158 mộ, tăng 802 mộ.

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất toàn khu sau khi điều chỉnh

TT	Loại đất	Theo Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 29/6/2021			Quy hoạch sau khi điều chỉnh			Tăng giảm sau điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số mộ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số mộ	Diện tích tăng (+) Giảm (-)	Số mộ tăng (+) Giảm (-)
	TỔNG DIỆN TÍCH QH	96.473,0	100,0		96.473,0	100,0		-	
	Khu A - Khu nghĩa địa hiện hữu	34.087,20			34.087,20			-	
	Khu B - Khu nghĩa trang quy hoạch mới	27.544,41			27.544,41			-	
	Khu C - Khu nghĩa trang quy hoạch mới	34.841,39			34.841,39			-	
I	ĐẤT MAI TÁNG	38.560,81	39,97	3.241	38.560,81	39,97	3.586	-	345
	1 Đất khu mộ hiện trạng	20.483,18			20.483,18			-	
	2 Đất mộ cải táng quy hoạch mới	10.269,10		2.183	13.632,51		2.985	3.363,41	802
	3 Đất mộ chôn cất 1 lần QH mới	7.808,53		1.058	4.445,12		601	-3.363,41	-457
II	ĐẤT CÔNG TRÌNH CHỨC NĂNG	1.677,92	1,74		1.677,92	1,74		-	
	1 Đất khu nhà hương khói (6mx6m)	1.244,96			1.244,96			-	
	2 Đất khu nhà dịch vụ tang lễ (15mx15m)								
	3 Đất khu nhà quản trang (5mx9m)	405,96			405,96			-	
	4 Đất khu nhà tập kết (trung chuyển) rác (5mx5m)								
	5 Đất khu đốt vàng mã (3mx3m) (03 khu)	27,00			27,00			-	
III	ĐẤT CÂY XANH	38.411,52	39,82		38.411,52	39,82		-	
	1 Đất cây xanh cảnh quan, taluy	6.358,88			6.358,88				
	2 Đất cây xanh cách ly	32.052,64			32.052,64				
IV	ĐẤT GIAO THÔNG	16.271,69	16,87		16.271,69	16,87		-	
	1 Đất đường giao thông chính	9.529,48			9.529,48				
	2 Đất đường giao thông nội bộ khu chôn cất	1.758,81			1.758,81				
	3 Đất đường giao thông hiện trạng cải tạo	2.377,14			2.377,14				
	4 Đất bãi đỗ xe	2.606,26			2.606,26				
V	ĐẤT KỸ THUẬT	3.082,81	3,19		3.082,81	3,19		-	
	1 Đất khu xử lý nước rỉ mộ	2.156,96			2.156,96				
	2 Đất mương cách ly	925,85			925,85				

Bảng quy hoạch sử dụng đất khu C sau khi điều chỉnh

TT	Loại đất	Theo Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 26/03/2021			Quy hoạch sau khi điều chỉnh			Tăng giảm sau điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số mộ	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số mộ	Diện tích tăng (+) Giảm (-)	Số mộ Tăng (+) Giảm (-)
	Khu C - Khu nghĩa trang quy hoạch mới	34.841,39	100		34.841,39	100		-	
I	ĐẤT MAI TÁNG	9.362,10	26,87		9.362,10	26,87		-	
1	Đất mộ cải táng quy hoạch mới	1.553,57		356	4.916,98		1.158	3.363,41	802
	- Khu cải táng 13	624,09		138	624,09		138	-	-
	- Khu cải táng 14	929,48		218	929,48		218	-	-
	- Khu cải táng 15				887,33		202	887,33	202
	- Khu cải táng 16				848,91		206	848,91	206
	- Khu cải táng 17				832,58		203	832,58	203
	- Khu cải táng 18				794,59		191	794,59	191
2	Đất mộ chôn cất 1 lần quy hoạch mới	7.808,53		1.058	4.445,12		601	-3363,41	-457
	- Khu chôn cất 1 lần 1	794,59		110				-794,59	-110
	- Khu chôn cất 1 lần 2	798,08		110	798,08		110	-	-
	- Khu chôn cất 1 lần 3	600,33		74	600,33		74	-	-
	- Khu chôn cất 1 lần 4	832,58		115				-832,58	-115
	- Khu chôn cất 1 lần 5	832,48		115	832,48		115	-	-
	- Khu chôn cất 1 lần 6	674,84		92	674,84		92	-	-
	- Khu chôn cất 1 lần 7	887,33		115				-887,33	-115
	- Khu chôn cất 1 lần 8	848,91		117				-848,91	-117
	- Khu chôn cất 1 lần 9	852,31		118	852,31		118	-	-
	- Khu chôn cất 1 lần 10	687,08		92	687,08		92	-	-
II	ĐẤT CÔNG TRÌNH CHỨC NĂNG	9,00	0,03		9,00	0,03		-	
1	Đất khu đốt vàng mã (3mx3m)	9,00			9,00				
III	ĐẤT CÂY XANH	15.160,23	43,51		15.160,23	43,51		-	
1	Đất cây xanh cảnh quan, taluy	2.619,64			2.619,64				
2	Đất cây xanh cách ly	12.540,59			12.540,59				
IV	ĐẤT GIAO THÔNG	7.351,23	21,10		7.351,23	21,10		-	
1	Đất đường giao thông chính	5.254,69			5.254,69				
2	Đất đường giao thông nội bộ khu chôn cất	771,77			771,77				
3	Đất đường giao thông hiện trạng	39,06			39,06				

	cải tạo							
4	Đất bãi đỗ xe	1.285,71		1.285,71				
	- Bãi đỗ xe số 2	600,00		600,00				
	- Bãi đỗ xe số 3	685,71		685,71				
V	ĐẤT KỸ THUẬT	2.958,83	8,49	2.958,83	8,49			-
1	Đất khu xử lý nước rỉ mội	2.156,96		2.156,96				
2	Đất mương cách ly	801,87		801,87				

4. Những nội dung khác: Việc điều chỉnh quy hoạch nêu trên không làm ảnh hưởng đến mục tiêu, tính chất sử dụng đất và các yếu tố hạ tầng kỹ thuật của đồ án. Những nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch đã được thể hiện trong đồ án thiết kế này, còn các nội dung khác không đề cập đến trong đồ án này vẫn giữ nguyên theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 26/03/2021 và Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 29/06/2021 để quản lý đầu tư xây dựng và tổ chức thực hiện.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang nhân dân xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước đã được UBND huyện Tuy Phước phê duyệt tại Quyết định số 1323/QĐ-UBND ngày 26/03/2021 và Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 29/06/2021. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và UBND xã Phước Thuận có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung điều chỉnh và tổ chức công bố công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng các phòng: Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Chủ tịch UBND xã Phước Thuận và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- LĐVP, CVVP (K3);
- Lưu: VT; T 12 b

CHỦ TỊCH

Huỳnh Nam